

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH THÀNH  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Bùi Thị Bích Thủy

2. Bà Trần Thị Dân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị A; Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Đình D; Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2021, bản tự khai ngày 05/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 02/3/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống, không tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra bất đồng, cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được. Chị và anh D đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay

chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị TAND huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 07/02/2009 và Nguyễn Phương D, sinh ngày 01/8/2012. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và giao cháu D cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã Tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập anh Nguyễn Đình D để nộp bản tự khai nhưng anh D không có mặt nên không có lời khai của anh D trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị A được ly hôn anh Nguyễn Đình D; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 07/02/2009 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương D, sinh ngày 01/8/2012, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh D không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh D theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh D đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh D đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị A vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; anh D đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến để tham gia phiên tòa nhưng anh D vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị A và anh D.

[5]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị A và anh Nguyễn Đình D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 02/3/2010 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được 03 năm thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm nên hay xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị A và anh D đã sống ly thân được 03 năm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận và cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành thu thập. Nay chị A nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D, HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Bùi Thị A được ly hôn anh Nguyễn Đình D.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung. Xét thấy, cháu N là con gái và có nguyện vọng được ở với mẹ, còn cháu D là con trai và có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị A, giao cháu N cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[7]. Về tài sản: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị A phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị A được ly hôn anh Nguyễn Đình D.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 07/02/2009 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương D, sinh ngày 01/8/2012, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị A, anh D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Bùi Thị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số: AA/2018/0003192, ngày 05/7/2021. Chị A đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Bùi Thị A và anh Nguyễn Đình D. Chị A và anh D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Thành M;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cúc**